

Số: 13 /2014/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 04 tháng 8 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế tổ chức**  
**tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2008/NQ-HĐND ngày 24/10/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chính sách đối với cán bộ tỉnh Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 199/TTr-SNV ngày 25 tháng 7 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

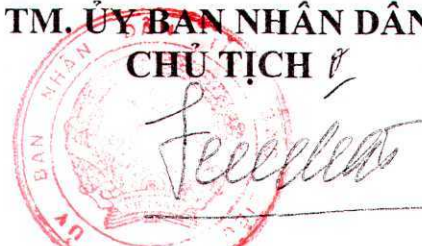
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau mười ngày kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP (để kiểm tra);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (để giám sát);
- Các PCVP UBND tỉnh; Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Trung tâm CB-TH (đăng Công báo);
- Lưu: VT (TP 25b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

  
Lê Minh Khái

## QUY CHẾ

**Tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2014/QĐ-UBND  
ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tuyển dụng đối với công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Bạc Liêu (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã).

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với những người đăng ký tuyển dụng, giao giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

### Chương II

#### TIÊU CHUẨN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

##### Điều 3. Tiêu chuẩn chung

Công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 3 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Nghị định 112/2011/NĐ-CP).

##### Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể

1. Công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn cụ thể sau:

- a) Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên;
- b) Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- c) Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức được đảm nhiệm;
- d) Trình độ tin học: Có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên;
- đ) Sau khi được tuyển dụng phải hoàn thành lớp đào tạo, bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước và lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo chương trình đối với chức danh công chức cấp xã hiện đảm nhiệm.

2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với các chức danh này; trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định thì thực hiện theo Khoản 1 Điều này.

### **Chương III**

## **TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

### **Mục 1**

## **CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, PHƯƠNG THỨC, THẨM QUYỀN**

## **TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

### **Điều 5. Căn cứ tuyển dụng**

Căn cứ tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định 112/2011/NĐ-CP.

### **Điều 6. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức**

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- b) Đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp (không phân biệt hình thức đào tạo và loại hình đào tạo công lập, ngoài công lập);
- đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- e) Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ;
- g) Các điều kiện khác (Ủy ban nhân dân cấp xã xác định các điều kiện khác bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã cần tuyển trong kế hoạch tuyển dụng, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phê duyệt trước khi tuyển dụng).

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

- a) Không cư trú tại Việt Nam;
- b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

3. Ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển chọn theo quy định tại Điều 3 Nghị định 112/2011/NĐ-CP.

### **Điều 7. Hồ sơ dự tuyển và hồ sơ trúng tuyển**

1. Hồ sơ dự tuyển công chức cấp xã bao gồm:

- a) Đơn đăng ký dự tuyển công chức cấp xã (theo mẫu);
- b) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- c) Bản sao giấy khai sinh;
- d) Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển; trường hợp đã tốt nghiệp, nhưng cơ sở đào tạo chưa cấp bằng hoặc chứng chỉ tốt nghiệp thì nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- đ) Giấy chứng nhận sức khỏe do tổ chức y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe);
- e) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

2. Hồ sơ dự tuyển của người trúng tuyển công chức cấp xã là hồ sơ trúng tuyển. Hồ sơ dự tuyển không phải trả lại cho người đăng ký dự tuyển và không sử dụng để thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã lần sau.

### **Điều 8. Phương thức tuyển dụng**

1. Đối với các chức danh Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội:

- a) Thực hiện việc tuyển dụng thông qua thi tuyển, trừ các trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này và Điều 21 Nghị định 112/2011/NĐ-CP;
- b) Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có thể thực hiện việc tuyển dụng thông qua xét tuyển.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã:

Thực hiện việc xét tuyển và bổ nhiệm đối với người có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Quy chế này.

Việc bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã thực hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và Pháp lệnh Công an xã.

### **Điều 9. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã**

1. Người tốt nghiệp từ đại học trở lên về công tác tại các xã, phường, thị trấn từ hai năm trở lên (đủ 24 tháng) theo chính sách thu hút của tỉnh và kết quả nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được cộng 10 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển;

2. Ưu tiên tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định 112/2011/NĐ-CP.

### **Điều 10. Thẩm quyền tuyển dụng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định của Nghị định 112/2011/NĐ-CP và Quy chế này.

2. Căn cứ số lượng người đăng ký dự tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thành lập Hội đồng thi tuyển hoặc Hội đồng xét tuyển (Hội đồng thi tuyển, Hội đồng xét tuyển sau đây gọi chung là Hội đồng tuyển dụng).

3. Trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng thì Phòng Nội vụ cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ, sau khi có ý kiến thông nhất của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ cấp huyện giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã. Khi tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã vẫn phải thành lập các Ban giúp việc theo quy định tại Khoản 4, Điều 11 Quy chế này.

## Mục 2

### HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

#### Điều 11. Hội đồng tuyển dụng

1. Hội đồng tuyển dụng được thành lập theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện nhiệm vụ trong mỗi kỳ tuyển dụng và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Không được bố trí thành viên Hội đồng là người có quan hệ gia đình như cha, mẹ, anh, chị, em ruột (hoặc bên vợ, bên chồng) của người dự tuyển;

2. Hội đồng tuyển dụng được phép sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

3. Hội đồng tuyển dụng công chức có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức thuộc Phòng Nội vụ;

d) Một ủy viên là công chức Sở Nội vụ do Giám đốc Sở Nội vụ cử;

đ) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn cấp huyện có liên quan.

4. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thành lập các Ban giúp việc gồm: Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi trong trường hợp tổ chức thi tuyển, Ban kiểm tra sát hạch trong trường hợp tổ chức xét tuyển, Ban phúc khảo;

b) Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng theo quy định;

c) Tổ chức chấm thi hoặc xét tuyển;

d) Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày tổ chức chấm thi xong hoặc xét tuyển xong, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ra quyết định công nhận kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển và gửi về Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển.

## **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng tuyển dụng**

### 1. Chủ tịch Hội đồng:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quy định tại Điều 11 của Quy chế này và chỉ đạo quá trình tuyển dụng;

b) Thành lập các Ban giúp việc gồm: Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi trong trường hợp tổ chức thi tuyển, Ban kiểm tra sát hạch trong trường hợp tổ chức xét tuyển, Ban phúc khảo;

c) Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Hội đồng;

d) Tổ chức việc lựa chọn các câu hỏi hoặc đề thi theo đúng quy định, phân công người quản lý, đảm bảo tuyệt đối bí mật các câu hỏi;

đ) Báo cáo và giúp UBND cấp huyện thông báo, niêm yết công khai kết quả tuyển dụng; gửi thông báo kết quả tuyển dụng bằng văn bản tới người dự tuyển.

### 2. Phó Chủ tịch Hội đồng:

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng chuẩn bị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng và điều hành công việc do Chủ tịch Hội đồng phân công;

b) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra quá trình sao in đề thi, coi thi, rọc phách, chấm thi trong trường hợp tổ chức thi tuyển, kiểm tra sát hạch trong trường hợp tổ chức xét tuyển và phúc khảo;

c) Cùng với Hội đồng xem xét kết quả tuyển dụng;

d) Đề xuất danh sách và dự kiến phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên Hội đồng.

đ) Thực hiện một số nhiệm vụ khác (nếu có) do Chủ tịch Hội đồng phân công.

3. Các thành viên thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng phân công cụ thể.

### 4. Thư ký Hội đồng giúp Chủ tịch Hội đồng:

a) Tổ chức, hướng dẫn cho thí sinh ôn tập;

b) Tập hợp các câu hỏi phỏng vấn và đáp án để báo cáo Chủ tịch Hội đồng;

c) Chuẩn bị các tài liệu cho Hội đồng và ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng;

d) Lập bảng điểm và danh sách kết quả tuyển dụng.

đ) Thực hiện một số nhiệm vụ khác (nếu có) do Chủ tịch Hội đồng phân công.

## **Điều 13. Ban Kiểm tra sát hạch**

1. Ban kiểm tra sát hạch có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Trưởng ban kiểm tra sát hạch là Phó Chủ tịch Hội đồng xét tuyển;

- b) Thư ký ban kiểm tra, sát hạch là Ủy viên thư ký Hội đồng xét tuyển;
- c) Các Ủy viên khác là đại diện cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm tra sát hạch:

- a) Sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển. Hình thức và nội dung sát hạch do Hội đồng xét tuyển căn cứ vào tiêu chuẩn và nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định trước khi tổ chức kiểm tra sát hạch;
- b) Ban kiểm tra sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

### Mục 3

## THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

### Điều 14. Các môn thi và hình thức thi

1. Môn kiến thức chung: Thi viết 01 bài thời gian 120 phút về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực tương ứng với chức danh công chức cần tuyển dụng.

2. Môn nghiệp vụ chuyên ngành: Thi viết 01 bài thời gian 120 phút và thi trắc nghiệm 01 bài thời gian 30 phút về nghiệp vụ chuyên ngành theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

3. Môn tin học văn phòng: Thi thực hành trên máy hoặc thi trắc nghiệm, thời gian 30 phút theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

Người đăng ký dự tuyển công chức cấp xã nếu có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên thì được miễn thi môn tin học văn phòng.

### Điều 15. Cách tính điểm

- 1. Bài thi được chấm theo thang điểm 100.
- 2. Điểm các môn thi được tính như sau:
  - a) Môn kiến thức chung: Tính hệ số 1;
  - b) Môn nghiệp vụ chuyên ngành: Bài thi viết tính hệ số 2; bài thi trắc nghiệm tính hệ số 1;
  - c) Môn tin học văn phòng: Tính hệ số 1 và không tính vào tổng số điểm thi.

3. Kết quả thi tuyển là tổng số điểm của các bài thi môn kiến thức chung và môn nghiệp vụ chuyên ngành tính theo quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 2 Điều này cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 9 Quy chế này.

### Điều 16. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ các bài thi của các môn thi;

b) Có điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên (kể cả điểm bài thi môn tin học văn phòng nếu không được miễn thi và điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành chưa nhân hệ số 2);

c) Có kết quả thi tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của từng chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi tuyển bằng nhau ở chức danh công chức cần tuyển dụng thì xác định người trúng tuyển như sau: người có điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người có điểm bài thi trắc nghiệm môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm bài thi trắc nghiệm môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người có điểm bài thi môn kiến thức chung cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

#### **Mục 4**

### **XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

#### **Điều 17. Nội dung xét tuyển**

1. Đối với các chức danh Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội:

a) Xét kết quả học tập của người dự tuyển;

b) Phỏng vấn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển và phỏng vấn ít nhất 02 câu trở lên.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã: Xét các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Quy chế này, không thực hiện tính điểm theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.

#### **Điều 18. Cách tính điểm**

1. Điểm học tập được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển, được quy đổi theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

2. Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng kết quả các bài thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển, được quy đổi theo thang điểm 100 và tính hệ số 1.

3. Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 1.

4. Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm học tập toàn khóa, điểm tốt nghiệp (hoặc điểm bảo vệ luận văn), điểm phỏng vấn tính theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này và điểm ưu tiên theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

5. Trường hợp người dự xét tuyển có trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng, Hội đồng xét tuyển căn cứ kết quả học tập trong hồ sơ của người dự tuyển và điểm phỏng vấn để tính điểm theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này.

#### **Điều 19. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức**

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển các chức danh công chức quy định tại Khoản 1, Điều 17 Quy chế này phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn, mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên (điểm học tập chưa nhân hệ số 2);

b) Có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở chức danh công chức cần tuyển dụng thì xác định người trúng tuyển như sau: người có kết quả điểm học tập cao hơn là người trúng tuyển; nếu kết quả điểm học tập bằng nhau thì người có kết quả điểm tốt nghiệp cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.

3. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã là người đạt các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Khoản 3, Điều 6 Quy chế này và theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện (nếu tuyển Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã) hoặc Trưởng Công an cấp huyện (nếu tuyển Trưởng Công an xã).

4. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

### **Mục 5**

#### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

##### **Điều 20. Trình tự, thủ tục tuyển dụng công chức cấp xã**

Trình tự, thủ tục tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại các điều 17, 18, 19, 20 Nghị định 112/2011/NĐ-CP và Điều 12 Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Thông tư 06/2012/TT-BNV).

##### **Điều 21. Hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển, quyết định tuyển dụng và nhận việc**

Hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển, quyết định tuyển dụng và nhận việc thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư 06/2012/TT-BNV.

### **Chương IV**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 22. Trách nhiệm thi hành**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức việc tuyển dụng công chức cấp xã theo đúng Quy chế này.

2. Giao Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, thanh tra việc tổ chức tuyển dụng. Trường hợp Hội đồng tuyển dụng tổ chức không đúng quy trình, không thực hiện đúng quy định của Quy chế này và các văn bản có liên quan kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hủy bỏ kết quả tuyển dụng.

**Điều 23.** Cơ quan, tổ chức và cá nhân nào vi phạm Quy chế tuyển dụng, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Điều 24.** Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, bổ sung và sửa đổi cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Lê Minh Khải*  
Lê Minh Khải